

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 25-4-2024

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Ông Phan Đình Xiềng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Sơn T và bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Làng N, xã I, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đình S; địa chỉ: Làng N, xã I, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/9/2022 và ngày 11/10/2022, ông Trần Sơn T và bà Nguyễn Thị T đã cho ông Huỳnh Đình S ứng tiền cất giá cà phê nhân với tổng sản lượng cà phê là 3.300kg với giá 40.000 đồng/kg, thành tiền là 132.000.000 đồng, các bên có viết giấy thỏa thuận và cùng ký tên. Ông S cam kết đến ngày 30/12/2022 sẽ trả đủ sản lượng cà phê nhân nêu trên cho ông T, bà T nhưng khi đến thời hạn, ông S không có sản lượng cà phê để trả nên ông S đã thỏa thuận với ông T, bà T về việc không trả bằng sản lượng cà phê như thỏa thuận trước đó mà thống nhất tính giá trị của 3.300kg cà phê nhân thành tiền là 162.000.000 đồng và chuyển S tiền nợ vay nên ngày 25/3/2023 các bên đã viết “*Giấy vay tiền*” thể hiện ông S có vay số tiền 162.000.000 đồng, thời hạn trả tiền vay là 06

tháng từ ngày 25/3/2023 đến ngày 25/9/2023, lãi suất tự thỏa thuận là 1%/tháng. Tuy nhiên, khi kết thúc thời hạn cam kết trả tiền vay, ông S không trả được và cố tình lẩn tránh, không muốn trả tiền cho ông T và bà T. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Đình S phải thanh toán cho ông T và bà T số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính trên tiền nợ gốc.

2. Bị đơn là ông Huỳnh Đình S không có mặt theo yêu cầu triệu tập của Tòa án nên vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng; đối với tiền lãi, đề nghị chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Sơn T và bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Đình S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên quan hệ pháp luật có tranh chấp về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Làng Nang Long O Sor, xã Ia Pêch, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn; tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp, là “*Giấy thế chấp đất vườn*” ngày 24/9/2022 và “*Giấy vay tiền*” ghi ngày 25/3/2023, có căn cứ xác định: Ngày 24/9/2022 và ngày 11/10/2022, nguyên đơn đã cho bị đơn ứng

tiền cà phê nhân tương ứng với khối lượng 3.300 kg, với số tiền là 132.000.000 đồng. Bị đơn cam kết đến ngày 30/12/2022 sẽ giao đủ khối lượng cà phê nhân cho nguyên đơn nhưng khi đến hạn, bị đơn không có cà phê để giao nên vào ngày 25/3/2023, các bên thống nhất tính trị giá của 3.300 kg cà phê nhân có giá thị trường là 162.000.000 đồng và bị đơn sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản tiền này bằng hình thức nợ vay để thay thế cho thỏa thuận trước đó về nghĩa vụ giao trả cà phê nhân nên các bên đã viết “*Giấy vay tiền*”, ghi ngày 25/3/2023. Bị đơn cam kết trả số tiền nợ trong thời hạn 06 tháng, từ ngày 25/3/2023 đến ngày 25/9/2023 nhưng sau đó bị đơn đã không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn.

[3] Xét việc nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận về việc chuyển tiền nợ ứng cà phê sang hình thức nợ tiền vay thể hiện bằng việc cùng nhau viết, ký tên trong giấy vay tiền, nội dung thể hiện bị đơn đã vay nguyên đơn số tiền 162.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền vay. Việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền có hiệu lực pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Tuy nhiên, khi đến hạn phải trả tiền, bị đơn đã không thực hiện nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 162.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng. Theo nguyên đơn trình bày, khi viết giấy vay các bên thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng nhưng không ghi rõ trong giấy vay tiền. Mặc dù tại giấy vay tiền chỉ ghi nội dung “*Lãi suất thỏa thuận*” mà không ghi rõ mức lãi suất cho vay nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đưa ra ý kiến phản đối với yêu cầu về mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu nên các bên không có tranh chấp về lãi suất. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu tính 1%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ để chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi vay từ ngày 25/3/2023 cho đến ngày 25/4/2024 là $(162.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng})$ là 21.060.000 đồng.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Sơn T và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Huỳnh Đình S phải thanh toán cho ông Trần Sơn T và bà Nguyễn Thị T số tiền 183.060.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*). Bao gồm tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu đồng*), tiền lãi là 21.060.000 đồng (*Hai mươi một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Đình S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.153.000 đồng (*Chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng*). Hoàn trả cho ông Trần Sơn T và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.293.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009051 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vũ

